

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 296/2026/DS-PT

Ngày 03 - 4 - 2026

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng  
đất và chia thừa kế”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thu Thủy

*Các Thẩm phán:* Bà Lâm Ngọc Tuyền

Bà Nguyễn Ái Doan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 996/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất và chia thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 213/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1953 (đã chết).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N:*

+ Bà Hồ Thị T, sinh năm 1954 (vắng mặt);

+ Chị Trần Hồ An T1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

+ Chị Trần Hồ An C, sinh năm 1983 (vắng mặt);

+ Anh Trần Hồ An N1, sinh năm 1986 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ C, khóm D, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp).

1.2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long).

1.3. Bà Trần Thị Thu N2, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp).

1.4. Bà Trần Thị Thu T2, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long).

- Đại diện ủy quyền của các nguyên đơn Trần Thị D, Trần Thị Thu T2, Trần Thị Thu N2: Ông Trần Huỳnh V, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ D, khóm A, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp). Theo hợp đồng ủy quyền ngày 23/02/2021 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T3, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp).

- Đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Hữu P, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn T3: Luật sư Đặng Hồng Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Út L, sinh năm 1967 (vắng mặt);

3.2. Anh Trần Hữu P, sinh năm 1989 (vắng mặt);

3.3. Chị Trần Thị A Lý Phương T4, sinh năm 2000 (vắng mặt);

3.4. Anh Trần Công H, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp).

- Đại diện theo ủy quyền của bà L, chị T4 và anh H: Anh Trần Hữu P, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp). Theo hợp đồng ủy quyền ngày 25/11/2022 (có mặt).

3.5. Sở Nông Nghiệp và Môi trường tỉnh Đ (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Ngân hàng N4 (A) – Chi nhánh huyện C (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) .

4. Người kháng cáo: Bị đơn, ông Trần Văn T3.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

\* Theo bản án sơ thẩm;

- Nguyên đơn Trần Văn N, Trần Thị D, Trần Thị Thu T2, Trần Thị Thu N2 có đại diện theo ủy quyền là anh Trần Huỳnh V trình bày:

Trước đây ông Trần Văn B và bà Phan Thị C1 có tạo lập một phần đất diện tích 29.824m<sup>2</sup>, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp), sau đó có mua thêm khoảng 8.000m<sup>2</sup> của ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982 cũng tọa lạc tại ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp). Năm 2000, ông Trần Văn B chết, toàn bộ phần đất này do bà Phan Thị C1 quản lý, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 31/12/2002, bà Phan Thị C1 có tập hợp các con lại để phân chia tài sản cho các con như sau:

1. Trần Văn N là 3 công tâm 3 thước (3.900m<sup>2</sup>);
2. Trần Thị D là 2 công tâm 3 thước (2.600m<sup>2</sup>);
3. Trần Văn T3 là 2 công tâm 3 thước (2.600m<sup>2</sup>);
4. Trần Thị Thu N2 là 2 công tâm 3 thước (2.600m<sup>2</sup>);
5. Trần Thị Thu T2 là 2 công tâm 3 thước (2.600m<sup>2</sup>);

Trong đó, bà C1 có bán cho Trần Thị Thu N2 03 công tâm 03 thước (3.900m<sup>2</sup>), còn Trần Văn T3 được hưởng căn nhà tại ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Việc phân chia ngày 31/12/2002 đều được sự thống nhất của các anh, em và đồng ý ký tên. Phần diện tích bà C1 phân chia khoảng 18.144m<sup>2</sup>, phần còn lại là 11.680m<sup>2</sup>. Ngoài phần đất bà C1 phân chia thì ông T3 được ông B, bà C1 tặng cho riêng khoảng 8.000m<sup>2</sup> mua của ông Nguyễn Văn H1. Đến năm 2004, bà C1 chết, phần còn lại bà C1 không có để lại di chúc.

Ông Trần Văn B và bà Phan Thị C1 có tổng cộng 05 người con:

1. Trần Văn N, sinh năm 1953;
2. Trần Thị D, sinh năm 1955;
3. Trần Văn T3, sinh năm 1958;
4. Trần Thị Thu N2, sinh năm 1968;
5. Trần Thị Thu T2, sinh năm 1970.

Sau khi bà C1 chết, ông N, bà D, bà N2, bà T2 chưa yêu cầu ông T3 phân chia đất theo giấy phân chia của bà C1. Vì thấy ông T3 có con còn nhỏ, phải thờ cúng cha mẹ và ông T3 có ý định xây nhà mồ cho cha, mẹ nên để cho ông T3 canh tác đất lúa để có thu nhập nuôi con và xây nhà mồ cho cha mẹ.

Khoảng năm 2006, bà T2 có thỏa thuận với ông T3 là bà Thị S bán lại cho ông T3 02 công đất được phân chia ngày 31/12/2002 giá 20.000.000 đồng, phần này bà T2 không tranh chấp hay yêu cầu gì.

Đến khoảng tháng 5/2018, các nguyên đơn yêu cầu ông T3 phân chia tài sản của mẹ để lại theo giấy phân chia ngày 31/12/2002 và phần còn lại chia theo pháp luật. Lúc này, các nguyên đơn mới biết ông T3 đã làm thủ tục thừa kế và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên khi nào thì

tất cả các nguyên đơn đều không được biết và các nguyên đơn cũng không có ký vào văn bản phân chia di sản.

Các nguyên đơn yêu cầu ông T3 tách thửa để phân chia theo giấy phân chia ngày 31/12/2002 và chia thừa kế theo pháp luật phần còn lại. Phần còn lại này ông T3 đã tách thửa tặng cho vợ và con ông T3.

Các nguyên đơn có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã P để yêu cầu hòa giải nhưng không thành. Tại đây, các nguyên đơn mới biết ông T3 đã làm văn bản phân chia đất họ tộc trên đó còn không có ghi tên Trần Thị Thu T2 mà ghi tên Trần Thị T6, còn Trần Thị Thu N2 ghi là Trần Thị N2, chỉ có số chứng minh nhân dân của ông T3, ngoài ra không có số chứng minh nhân dân của các nguyên đơn và các nguyên đơn chưa từng ký tên trên văn bản này.

Nay, anh Trần Hồ An N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N; bà Trần Thị D, bà Trần Thị Thu N2, bà Trần Thị Thu T2 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy biên bản họp họ tộc phân chia thừa kế ngày 22/5/2006 do UBND xã P xác nhận.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn T3 với bà Nguyễn Thị Út L, sinh năm 1967; Trần Hữu P, sinh năm 1989; Trần Thị A Lý Phụng T4, sinh năm 2000 và Trần Công H, sinh năm 1994.

- Điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Út L, sinh năm 1967; ông Trần Hữu P, sinh năm 1989; bà Trần Thị A Lý Phụng T4, sinh năm 2000 và ông Trần Công H, sinh năm 1994.

- Buộc ông Trần Văn T3, sinh năm 1956 trả lại các thửa đất số 2187, 2882, 2883, 2884, 2885 tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp) để phân chia theo giấy phân chia đất ngày 31/12/2002 và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của bà Phan Thị C1 theo giấy phân chia đất ngày 31/12/2002.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 5 kỹ phần, mỗi người yêu cầu được nhận 01 kỹ phần đối với phần diện tích còn lại là 11.680m<sup>2</sup> (gồm 5.830m<sup>2</sup> đất tiếp giáp đường kênh nhà báo và 5.830m<sup>2</sup> đất tiếp giáp đường P – Nguyễn Văn T5), cụ thể:

1. Trần Hồ An N1 là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N yêu cầu được nhận là 03 công tầm 03 thước (3.900m<sup>2</sup> và một kỹ phần là 2.332 m<sup>2</sup>). Tổng diện tích yêu cầu là 6.232m<sup>2</sup> gồm 6.020,5m<sup>2</sup> tại thửa 2882 tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa và 211,5m<sup>2</sup> tại thửa 1172 tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa.

Yêu cầu được nhận 95m<sup>2</sup> tại thửa số 2187 tờ bản đồ số 07 loại đất trồng lúa (tạm tính giá trị là được nhận 95m<sup>2</sup> x 60.000đ/m<sup>2</sup> = 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm ngàn đồng). Tất cả các thửa yêu cầu nhận đất.

2. Trần Thị D, yêu cầu được nhận là 02 công tầm 03 thước (2.600m<sup>2</sup>) và một kỹ phần là 2.332m<sup>2</sup>. Tổng diện tích yêu cầu là 4.932m<sup>2</sup> gồm 4720,5m<sup>2</sup> tại

thửa 2883, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa và 211,5m<sup>2</sup> tại thửa 1172 tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa.

Yêu cầu được nhận 98,82m<sup>2</sup> tại thửa số 2187 tờ bản đồ số 07 loại đất trồng lúa. Tất cả các thửa yêu cầu nhận đất.

3. Trần Thị Thu N2 yêu cầu được nhận là 2 công tằm 3 thước (2.600m<sup>2</sup>) và phần đất mẹ tôi có bán cho tôi là 3 công tằm 3 thước (3.900m<sup>2</sup>) và một kỷ phần là 2332m<sup>2</sup>. Tổng diện tích yêu cầu là 8.832m<sup>2</sup> gồm 7833,3m<sup>2</sup> tại thửa 2885, 787m<sup>2</sup> tại thửa 2881 tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa và 211,5m<sup>2</sup> tại thửa 1172 tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa.

Yêu cầu được nhận 98,82m<sup>2</sup> tại thửa số 2187 tờ bản đồ số 07 loại đất trồng lúa. Tất cả các thửa yêu cầu nhận đất.

4. Trần Thị Thu T2 yêu cầu được nhận một kỷ phần là 2332m<sup>2</sup> Tổng diện tích yêu cầu là 2.332m<sup>2</sup> gồm 2.120,5m<sup>2</sup> tại thửa 2884 và 211,5m<sup>2</sup> tại thửa 1172 tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa.

Yêu cầu được nhận 98,82m<sup>2</sup> tại thửa số 9 tờ bản đồ số 07 loại đất trồng lúa. Tất cả các thửa yêu cầu nhận đất.

Anh Trần Huỳnh Võ thống N3 kết quả giám định của P1 tại thành phố Hồ Chí Minh, không yêu cầu giám định lại ở cơ quan, tổ chức nào, phía nguyên đơn thống nhất với biên bản xem xét thẩm định ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 và Sơ đồ đo đạc ngày 31/8/2022 của Trung tâm K và kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá số 1151/2022/CT-VAL ngày 20/12/2022. Hiện trạng phân đất đang tranh chấp đến nay không có gì thay đổi. Phía nguyên đơn không yêu cầu đưa Ủy ban nhân dân xã P vào tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*- Bị đơn Trần Văn T3; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Út L, Trần Thị A Lý Phương T4, Trần Hữu P, Trần Công H có đại diện theo ủy quyền là anh Trần Hữu P trình bày:*

Cha ông T3 là ông Trần Văn B, sinh năm 1929, chết năm 2000; mẹ là bà Phan Thị C1, sinh năm 1934, chết năm 2004. Ông B, bà C1 có 06 người con, 01 người đã chết lúc còn trẻ khi đi làm nghĩa vụ quân sự, còn lại 05 người con gồm: Trần Văn N, sinh năm 1953; Trần Thị D, sinh năm 1955; Trần Văn T3, sinh năm 1956; Trần Thị Thu N2, sinh năm 1968 (tên thường gọi: Trần Thị N2); Trần Thị Thu T6, sinh năm 1970 (tên thường gọi Trần Thị Thu T2). Trước đây, cha, mẹ ông T3 có khai phá và canh tác trên mảnh đất có tổng diện tích là 29.824m<sup>2</sup> bao gồm đất trồng lúa, đất ao hồ, đất cây lâu năm, đất làm đường đi và đất bỏ hoang không canh tác được (trong đó có khoảng 20.800m<sup>2</sup> đất trồng lúa).

Năm 1986, kết hôn và sống chung cha, mẹ và vợ chồng ông T3 có 03 người con. Năm 1997, cha ông 68 tuổi, mẹ ông 63 tuổi. Chính vợ chồng ông T3 xây dựng căn nhà tại xã P. Vì lúc này, vợ chồng ông T3 là lao động chính để nuôi cha, mẹ và các con. Việc cho rằng ông được tặng căn nhà từ cha mẹ là không đúng, ông hoàn toàn phản bác.

Ngày 03/4/1995, ông T3 có mua thêm khoảng 9.000m<sup>2</sup> đất ruộng của vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị B1. Có sự chứng kiến và biết rõ của 02 chủ đất giáp ranh là ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn X. Phần đất này là tiền riêng vợ, chồng ông T3 đứng ra mua chứ không phải của cha, mẹ ông T3.

Năm 2002, sau khi cha ông T3 mất thì mẹ ông T3 là bà Phan Thị C1 tập hợp các con lại và tiến hành phân chia đất theo giấy ghi tay ngày 31/12/2002 như sau:

- Bà Phan Thị C1 đã cầm cố cho bà Trần Thị Thu N2 số đất là 3.900m<sup>2</sup> (3 công tầm 3 thước) với số tiền: 15.000.000 đồng.

- Ông Trần Văn N thừa hưởng 3 công tầm 3 thước (3.900m<sup>2</sup>).

- Bà Trần Thị D thừa hưởng 2 công tầm 3 thước (2.600m<sup>2</sup>) - Ông Trần Văn T3 thừa hưởng 2 công tầm 3 thước (2.600m<sup>2</sup>).

- Bà Trần Thị Thu N2 là 2 công tầm 3 thước (2.600m<sup>2</sup>).

- Bà Trần Thị Thu T2 thừa hưởng 2 công tầm 3 thước (2.600m<sup>2</sup>).

- Phần còn lại là của bà C1 giữ lại để làm đất hương quả cho ông T3 để canh tác nuôi dưỡng mẹ khi còn sống và lo hậu sự khi mẹ ông T3 qua đời, chăm lo thờ cúng ông bà, tổ tiên (Phần này không ghi vào tờ phân chia đất mà chỉ nói miệng vì ông T3 là con trai út sống chung, nuôi dưỡng và thờ cúng sau này, lúc ấy mọi người trong gia đình anh chị em đều thừa nhận. Tất cả các anh chị em và mẹ cùng thống nhất ký tên vào tờ phân chia đất.

Sau khi ông T3 hoàn tất nghĩa vụ và trách nhiệm với tất cả anh, chị, em thì ông T3 tiến hành làm thủ tục sang tên với sự thống nhất của tất cả mọi người theo “Biên bản họp tộc phân chia thừa kế ngày 22/5/2006”. Ông T3 hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để sang tên và đã được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006. Suốt thời gian dài không ai đứng ra tranh chấp. Hiện tại, gia đình ông T3 vẫn còn canh tác toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận.

Đến năm 2020, ông T3 và vợ là bà Nguyễn Thị Út L cùng thống nhất phân chia cho các con cụ thể như sau:

- Trần Hữu P thừa đất số 2882 tờ bản đồ số 7;

- Trần Công H thừa đất số 2885 tờ bản đồ số 7;

- Trần Thị A Lý P thừa số 2881 tờ bản đồ số 7;

Phần đất còn lại do vợ, chồng ông T3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và canh tác trên tổng diện tích bao gồm phần đã cho các con mà không có ý định trao đổi, mua bán.

Đến cuối năm 2020, do hai tuyến đường kinh Nhà báo và kinh Nguyễn Văn T5 được nâng cấp trải nhựa làm cho thị trường bất động sản tăng theo nhanh chóng nên các anh, chị, em của ông T3 đã không thừa nhận việc đã phân chia đất theo tờ phân chia đất, không thừa nhận “Biên bản họp họ tộc phân chia thừa kế ngày 22/5/2006”, phủ nhận việc ông T3 mua thêm đất của ông H1, bà N2, cũng như việc vợ chồng ông T3 nuôi dưỡng cha mẹ lúc còn sống, lúc ốm đau,

bệnh tật và hoàn thành nghĩa vụ, bốn phần sau khi cha mẹ qua đời, để khởi kiện gia đình ông T3.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía ông T3 không đồng ý toàn bộ theo yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Thông nhất kết quả giám định của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, không yêu cầu giám định lại ở cơ quan, tổ chức nào, phía bị đơn thống nhất với biên bản xem xét thẩm định ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 và Sơ đồ đo đạc ngày 31/8/2022 của Trung tâm K và kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá số 1151/2022/CT-VAL ngày 20/12/2022. Hiện trạng phân đất đang tranh chấp đến nay không có gì thay đổi. Đồng thời, anh cũng không yêu cầu đưa Ủy ban nhân dân xã P vào tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện C trình bày:*

Qua rà soát hồ sơ tín dụng tại đơn vị, xác định hộ ông Trần Văn T3 sinh năm 1956 có ký hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng theo hợp đồng số 6504- LAV202309065, ngày 12/12/2023. Theo thỏa thuận, hộ ông Trần Văn T3 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất vay 10%/năm, mục đích vay: Chi phí tiêu dùng, thời hạn vay 24 tháng. Để đảm bảo khoản tiền vay, hộ ông Trần Văn T3 giao cho ngân hàng 01 quyền sử dụng đất số CY790069 do ông Trần Văn T3 đứng tên với diện tích 4.169,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 2883, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tuy nhiên, theo thông báo của Tòa án thì quyền sử dụng đất đảm bảo khoản vay đang bị tranh chấp. Nguyên đơn là ông N, bà N2, bà T2 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên của ông Trần Văn T3 đang thế chấp thì Ngân hàng không đồng ý.

Để đảm bảo quyền lợi, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Ngân hàng yêu cầu hộ ông Trần Văn T3 có nghĩa vụ trả số tiền vay đang nợ là 100.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết.

Trường hợp hộ ông Trần Văn T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, Ngân hàng yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số CY790069 do ông Trần Văn T3 đứng tên với diện tích 4.169,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 2883, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Khi nào hộ ông Trần Văn T3 thực hiện xong nghĩa vụ, Ngân hàng đồng ý trả lại tài sản thế chấp theo thỏa thuận.

3. Riêng các thửa đất còn lại theo thông báo của quý Tòa hiện không có thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N4 chi nhánh huyện C, Phòng Giao dịch khu vực 1 C.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn N đã làm thủ tục tắt toán xong khoản vay, tiền lãi cho phía Ngân hàng N4 xong.

Nay, phía Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ có ý kiến như sau:*

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, hộ ông Trần Văn T3 được Sở T8 ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2882, diện tích 6.255,9 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa nước, thửa đất số 2883, diện tích 4.169,6 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa nước, thửa đất số 2884, diện tích 3.126,7m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa nước và thửa đất số 2885, diện tích 7.833,3m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa nước, cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc xã P, huyện C.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, hộ ông Trần Văn T3 xác lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Trần Hữu P tại thửa đất số 2882, ông Trần Văn T3 tại thửa đất số 2883, bà Nguyễn Thị Út L tại thửa đất số 2884 và ông Trần Công H tại thửa đất số 2885 và được Văn phòng C2 công chứng, chứng nhận. Ngày 02/02/2021, ông Trần Hữu P, ông Trần Văn T3, bà Nguyễn Thị Út L được Sở T8 ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nhận tặng cho tại các thửa đất nêu trên. Ngày 08/3/2021, ông Trần Công H được Sở T8 ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nhận tặng cho tại thửa đất nêu trên.

Việc Sở T8 ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 2882 cho ông Trần Hữu P, tại thửa đất 2883 cho ông Trần Văn T3, tại thửa đất số 2884 cho bà Nguyễn Thị Út L và thửa đất số 2885 cho ông Trần Công H do nhận tặng cho từ hộ ông Trần Văn T3 trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã được Văn phòng C2 công chứng, chứng nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 79 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp đã căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Điều 613; Điều 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự;

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Thị D, Trần Thị Thu T2, Trần Thị Thu N2 tại thửa đất số 2187, tờ bản đồ số 7 đất tọa lạc tại xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Trần Thị D được thừa hưởng di sản thừa kế 01 kỷ phần di sản thừa kế tương đương với số tiền là 281.637.000 đồng.

- Bà Trần Thị Thu T2 được thừa hưởng di sản thừa kế 01 kỷ phần di sản thừa kế tương đương với số tiền là 281.637.000 đồng.

- Bà Trần Thị Thu N2 được thừa hưởng di sản thừa kế 01 kỷ phần di sản thừa kế tương đương với số tiền là 281.637.000 đồng.

- Ông Trần Văn T3 có nghĩa vụ trả giá trị đất tương đương với một kỳ phần được hưởng cho Trần Thị D, bà Trần Thị Thu T2 và bà Trần Thị Thu T2 với số tiền trả cho mỗi người là 281.637.000 đồng (hai trăm tám mươi một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- Tạm giao cho ông Trần Văn T3 được tiếp tục quản lý kỹ phần của ông Trần Văn N. Ông Trần Văn T3 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất là 494,1m<sup>2</sup> thuộc thửa 2187, loại đất LUC, tờ bản đồ số 7 đất tại xã P, tỉnh Đồng Tháp. Đất nằm trong phạm vi từ mốc M21 đến mốc M22 đến mốc M23 đến mốc M24 đến mốc M25 đến mốc M21.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị D, Trần Thị Thu T2, Trần Thị Thu N2 về việc chia thừa kế tại thửa đất số 1172, 2881, 2883, 2884, 2885, cùng tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, T2, N2 về việc hủy Biên bản họp họ tộc phân chia thừa kế ngày 22/5/2006 do UBND xã P xác nhận.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà D, bà N2, bà T2 về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn T3 với bà Nguyễn Thị Út L, Trần Hữu P, Trần Thị A Lý Phương T4 và Trần Công H.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, bà T2, bà N2 về việc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Út L, ông Trần Hữu P, bà Trần Thị A Lý Phương T4 và ông Trần Công H. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu N2 về việc yêu cầu được nhận phần diện tích đất là 3 công tầm 3 thước (3.900m<sup>2</sup>).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hồ An N1.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N4.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

\* Ngày 10 tháng 9 năm 2025, bị đơn là ông Trần Văn T3 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm liên quan đến việc xác định thừa kế đang tranh chấp là di sản thừa kế và phân chia di sản. Công nhận phần đất mà ông T3 quản lý, canh tác thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T3 và xác định phần đất này không phải là di sản thừa kế.

\* Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh Trần Hữu P là đại diện uỷ quyền của ông Trần Văn T3 trình bày: Thửa đất 2187, tờ bản đồ số 7, diện tích 370,0m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 10217 ngày 25/10/2023 cho hộ ông Trần Văn T3, sau đó hộ ông T3 có đơn xin cấp đổi lại giấy theo quy định, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CN03056 ngày 15/11/2024,

thửa mới là thửa 67, tờ bản đồ số 82, diện tích 437,7m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế có diện tích 494,1m<sup>2</sup>).

Bản án sơ thẩm xác định thửa đất này là di sản của cha mẹ ông T3, tạm giao cho ông T3 tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 2187 và buộc ông T3 phải hoàn trả giá trị đất tương đương một kỷ phần thừa kế cho bà D, bà N2 và bà T2, mỗi người nhận 281.637.000 đồng. Ông T3 kháng cáo không đồng ý với quyết định nêu trên bản án sơ thẩm vì thực tế thửa đất này có chuyển nhượng cũng không ai mua với giá mà Hội đồng định giá đã định. Hơn nữa, ông T3 đã già yếu, không có khả năng để hoàn trả giá trị đất cho các nguyên đơn. Do vậy, ông T3 xin từ chối nhận kỷ phần thừa kế đối với thửa đất này.

Ông T3 đồng ý huỷ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà nhà nước đã cấp cho ông T3 như đã nêu trên. Đồng ý giao thửa đất 2187, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa 67, tờ bản đồ 82) cho các nguyên đơn quản lý, sử dụng và đăng ký kê khai với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận theo quy định. Đối với cây trồng trên đất ông T3 sẽ tự di dời khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu các nguyên đơn hoàn trả giá trị.

- Ông Trần Huỳnh Võ L1 đại diện uỷ quyền của bà Trần Thị D, bà Trần Thị Thu T2, bà Trần Thị Thu N2 và ông Trần Hồ An N1 (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N) đồng ý với yêu cầu của ông Trần Văn T3. Do thửa đất này không đủ điều kiện tách thửa theo quy định, nên bà D, bà N2, bà T2 và ông N1 yêu cầu được đứng tên đồng sở hữu, sử dụng trên giấy chứng nhận. Đối với cây trồng trên đất thì thống nhất với yêu cầu của ông T3.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn T3 đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Xét thấy tại phiên toà các đương sự đã thống nhất thoả thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà, sửa một phần bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn T3 còn trong thời hạn quy định nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N gồm bà Hồ Thị T7, chị Trần Hồ An T1, chị Trần Hồ An C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ, Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện C có đơn đề nghị vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Theo đơn kháng cáo ngày 10/9/2025, ông Trần Văn T3 yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp huỷ một phần bản án sơ thẩm liên quan đến việc xác định di sản thừa kế và chia thừa kế đối với thửa đất 2187, tờ bản đồ số 7, diện tích 494,1m<sup>2</sup> tại ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp, công nhận thừa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Trần Văn T3.

Tại phiên toà hôm nay, ông Trần Văn T3 có đại diện uỷ quyền là anh Trần Hữu P và bà Trần Thị D, bà Trần Thị Thu T2, bà Trần Thị Thu N2 có đại diện theo uỷ quyền là anh Trần Huỳnh V, anh Trần Hồ An N1 thống nhất thoả thuận nội dung như sau:

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 10217 ngày 25/10/2023 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Trần Văn T3, đối với thửa đất số 2187, tờ bản đồ số 7, diện tích 370,0m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN03056 ngày 15/11/2024 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Trần Văn T3, đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 82, diện tích 437,7m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- Xác định thửa đất 2187, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa 67, tờ bản đồ số 82, diện tích đo đạc thực tế 494,1m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp là di sản của cụ Trần Văn B và cụ Phan Thị C1.

- Chia thừa kế di sản của cụ B và cụ C1 là thửa đất nêu trên thành 04 kỹ phần bằng nhau cho 04 người con của cụ B và cụ C1 gồm: bà Trần Thị D, bà Trần Thị Thu T2, bà Trần Thị Thu N2 và ông Trần Văn N, mỗi kỹ phần thừa kế tương đương 123,525m<sup>2</sup>. Ông N chết, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N là bà Hồ Thị T7, chị Trần Hồ An T1, chị Trần Hồ An C, anh Trần Hồ An N1 được nhận kỹ phần thừa kế của ông Trần Văn N.

- Giao thửa đất 2187, tờ bản đồ số 7, diện tích 370,0m<sup>2</sup> (nay là thửa 67, tờ bản đồ số 82, diện tích 437,7m<sup>2</sup>), đo đạc thực tế 494,1m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp cho bà Trần Thị D, bà Trần Thị Thu T2, bà Trần Thị Thu N2 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N là bà Hồ Thị T7, chị Trần Hồ An T1, chị Trần Hồ An C, anh Trần Hồ An N1 được đồng sở hữu, sử dụng.

- Bà Trần Thị D, bà Trần Thị Thu T2, bà Trần Thị Thu N2 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N là bà Hồ Thị T7, chị Trần Hồ An T1, chị Trần Hồ An C, anh Trần Hồ An N1 được quyền liên hệ với

cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

- Hộ ông Trần Văn T3 có nghĩa vụ giao thửa đất nêu trên cho các nguyên đơn và phải có nghĩa vụ di dời các cây trồng trên thửa đất này khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự khác. Do vậy, hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Ông T3 và bà D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí. Bà Thị, bà N2 mỗi người phải chịu 17.062.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T7, chị T1, chị C và anh N1 phải liên đới trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.062.000 đồng.

[5]. Về chi phí tố tụng: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D, Trần Thị Thu T2, Trần Thị Thu N2 về việc chia thừa kế tại thửa đất số 1172, 2881, 2883, 2884, 2885, cùng tờ bản đồ số 7. Ông Trần Văn T3 từ chối nhận di sản thừa kế đối với thửa đất 2187, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa 67, tờ bản đồ số 82), diện tích đo đạc thực tế 494,1m<sup>2</sup>, cùng tọa lạc: ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp nên ông T3 không phải hoàn lại chi phí tố tụng cho các nguyên đơn.

[6]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[7]. Xét ý kiến tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp.

Căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Điều 613; Điều 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

### **Xử:**

1.1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự đối với thửa đất 2187, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa 67, tờ bản đồ 82), diện tích đo đạc thực tế 494,1m<sup>2</sup> tại địa chỉ: ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp như sau:

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 10217 ngày 25/10/2023, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Trần Văn T3, đối với thửa đất số 2187, tờ bản đồ số 7, diện tích 370,0m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN03056 ngày 15/11/2024 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Trần Văn T3, đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 82, diện tích 437,7m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- Xác định thửa đất 2187, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa 67, tờ bản đồ số 82), diện tích đo đạc thực tế 494,1m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp là di sản của cụ Trần Văn B và cụ Phan Thị C1.

- Chia thừa kế di sản của cụ B và cụ C1 là thửa đất nêu trên thành 04 kỹ phần bằng nhau cho 04 người con của cụ B và cụ C1 gồm: bà Trần Thị D, bà Trần Thị Thu T2, bà Trần Thị Thu N2 và ông Trần Văn N, mỗi kỹ phần thừa kế tương đương 123,525m<sup>2</sup> đất. Ông N chết, bà Hồ Thị T7, chị Trần Hồ An T1, chị Trần Hồ An C, anh Trần Hồ An N1 được nhận kỹ phần thừa kế của ông Trần Văn N.

- Giao thửa đất 2187, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa 67, tờ bản đồ số 82), diện tích đo đạc thực tế 494,1m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp cho bà Trần Thị D, bà Trần Thị Thu T2, bà Trần Thị Thu N2 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N gồm: bà Hồ Thị T7, chị Trần Hồ An T1, chị Trần Hồ An C, anh Trần Hồ An N1 được đồng sở hữu, sử dụng.

- Bà Trần Thị D, bà Trần Thị Thu T2, bà Trần Thị Thu N2, bà Hồ Thị T7, chị Trần Hồ An T1, chị Trần Hồ An C, anh Trần Hồ An N1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

- Hộ ông Trần Văn T3 có nghĩa vụ giao thửa đất nêu trên cho các nguyên đơn và phải có nghĩa vụ di dời các cây trồng trên thửa đất này khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đất nằm trong phạm vi từ mốc M21 đến mốc M22 đến mốc M23 đến mốc M24 đến mốc M25 đến mốc M21.

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 31/8/2022 và sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 31/8/2022 của Tòa án huyện C nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 và Trung tâm K).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị D, Trần Thị Thu T2, Trần Thị Thu N2 về việc chia thừa kế tại thửa đất số 1172, 2881, 2883, 2884, 2885, cùng tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã P, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, T2, N2 về việc hủy Biên bản họp họ tộc phân chia thừa kế ngày 22/5/2006 do Ủy ban nhân dân xã P xác nhận.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu của bà D, bà N2, bà T2 về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn T3 với bà Nguyễn Thị Út L, Trần Hữu P, Trần Thị A Lý Phương T4 và Trần Công H.

1.5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, bà T2, bà N2 về việc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Út L, ông Trần Hữu P, bà Trần Thị A Lý Phương T4 và ông Trần Công H. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu N2 về việc yêu cầu được nhận phần diện tích đất là 3 công tằm 3 thước (3.900m<sup>2</sup>).

1.6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hồ An N1 là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N yêu cầu được nhận là 3 công tằm 3 thước (3.900m<sup>2</sup> và một kỷ phần là 2.332 m<sup>2</sup>). Tổng diện tích yêu cầu là 6.232m<sup>2</sup> gồm 6.020,5m<sup>2</sup> tại thửa 2882 tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa và 211,5m<sup>2</sup> tại thửa 1172 tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa.

1.7. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N4.

2/- Về án phí:

Bà Trần Thị D, ông Trần Văn T3 được miễn toàn bộ án phí do là người cao tuổi.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N gồm: bà Hồ Thị T7, chị Trần Hồ An T1, chị Trần Hồ An C, anh Trần Hồ An N1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.602.000 đồng (mười bảy triệu, sáu trăm lẻ hai ngàn đồng)

Bà Trần Thị Thu T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.602.000 đồng. Bà Thị đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0001743 ngày 04/12/2024; 300.000 đồng theo biên lai số 0014943 ngày 21/12/2022 và 3.550.000 đồng theo biên lai số 0009480 ngày 06/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 tỉnh Đồng Tháp) nên còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 13.452.000 đồng (Mười ba triệu, bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Bà Trần Thị Thu N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.602.000 đồng. Bà N2 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0001744 ngày 04/12/2024; 300.000 đồng theo biên lai số 0014942 ngày 21/12/2022 và 12.640.000 đồng theo biên lai số 0009479 ngày 06/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 tỉnh Đồng Tháp), nên còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.362.000 đồng (Bốn triệu, ba trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền tạm ứng án phí đã nộp của anh Trần Hồ An N1 là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001745 ngày 04/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 tỉnh Đồng Tháp).

Hoàn trả cho Ngân hàng N4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0002321 ngày 17/4/2025

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 tỉnh Đồng Tháp).

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV 9 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 9 - Đồng Tháp;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Thẩm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Thu Thủy**